

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 3 – 2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lại;

Ông Hồ Minh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2026/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Lệ T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: C N, KV A, phường A, quận B, TP . (nay là C N, Khu V, phường B, TP .).

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Hà Trọng Đ**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: C N, KV A, phường A, quận B, TP . (nay là C N, Khu V, phường B, TP .).

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Lệ T trình bày: Bà Võ Thị Lệ T và ông Hà Trọng Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/4/2010. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên về sau phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống đời sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Mặc dù, đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Do thấy, hôn nhân không hạnh phúc, nên bà T xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Hà Gia H (nữ), sinh ngày 23/10/2010, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H để tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, ông Hà Trọng Đ trình bày: Vào ngày 09/4/2010, ông Hà Trọng Đ và bà Võ Thị Lệ T kết hôn và đăng ký tại UBND xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau thời gian chung sống, ông Đ và bà T không tìm được tiếng nói chung và đã nhiều lần cố gắng hàng gắp tình cảm, nhưng không mang lại kết quả. Nay, ông Đ đồng thuận ly hôn với bà T.

Về con chung: Hà Gia H (nữ), sinh ngày 23/10/2010. Do hiện nay, cháu H đã lớn, đủ nhận thức, nên cháu H được quyền lựa chọn chung sống với cha hoặc mẹ theo nguyện vọng của cháu, cháu H sinh sống cùng với cha hoặc mẹ thì cả hai đều không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào hòa giải, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa ra xét xử vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Võ Thị Lệ T và ông Hà Trọng Đ1, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà T có đơn xin ly hôn với ông Đ1 đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tranh chấp này, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại phường B, TP ., nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Đ1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ1 và bà T theo định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Lệ T và ông Hà Trọng Đ tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 09/4/2010, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do thấy, hôn nhân không hạnh phúc, nên bà T xin được ly hôn với ông Đ. Ông Đ cũng có lời khai giữa ông Đ và bà T, sau thời gian chung sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và đã

nhiều lần cố gắng hàng gần tình cảm, nhưng không mang lại kết quả, ông Đ đồng ý ly hôn với bà T. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã thật sự sâu sắc, trầm trọng, mục đích hôn nhân là hạnh phúc không đạt được. Nên, yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Hà Gia H (nữ), sinh ngày 23/10/2010, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành. Ông Đ cũng có ý kiến việc cháu H có nguyện vọng được sinh sống với cha hoặc mẹ là tùy vào sự lựa chọn của cháu H. Cháu H cũng đã có ý kiến thể hiện nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là bà Võ Thị Lệ T. Do đó, giao con chung Hà Gia H cho bà Võ Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Đây, là sự tự nguyện của đương sự, nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Lệ T đối với ông Hà Trọng Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Lệ T được ly hôn với ông Hà Trọng Đ.

Về con chung: Bà Võ Thị Lệ T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Gia H (nữ), sinh ngày 23/10/20210 đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Bà Võ Thị Lệ T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0008208 ngày 31/10/2025, tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cần Thơ thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 2 – Cần Thơ;
- Chi cục THADS Khu vực 2 – Cần Thơ;
- UBND xã Hòa Thuận, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Kiệt